

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN

NGƯỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU 1

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT ĐẦU THẦU

XÂY DỰNG 4

1.1. Khái niệm, đặc điểm, và sự cần thiết của đấu thầu xây dựng..... 4

1.1.1. Khái niệm về đấu thầu xây dựng 4

1.1.2. Các đặc điểm của đấu thầu xây dựng 5

1.1.3. Sự cần thiết của đấu thầu xây dựng 5

1.2. Bản chất pháp lý của đấu thầu xây dựng 6

1.3. Pháp luật điều chỉnh đấu thầu xây dựng 7

1.3.1. Các nguyên tắc đấu thầu 7

1.3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của pháp luật đấu thầu xây dựng 8

1.3.3. Những vấn đề pháp lý cơ bản của đấu thầu xây dựng 8

Chương 2: NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHÁP LUẬT

ĐẦU THẦU XÂY DỰNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY 9

2.1. Về lựa chọn nhà thầu 9

2.2. Về chủ thể có liên quan đến hoạt động đấu thầu xây dựng 9

2.3. Về nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư 11

2.4. Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu xây dựng cơ bản..... 11

2.5. Về ưu đãi đối với đấu thầu quốc tế..... 11

2.6. Về ưu đãi đối với đấu thầu trong nước 12

2.7. Về thời gian trong đấu thầu xây dựng 12

2.8. Về bảo đảm đấu thầu 12

2.9. Ngôn ngữ và đồng tiền sử dụng trong đấu thầu xây dựng.....	12
2.10. Về các hình thức lựa chọn đấu thầu.....	13
2.11. Qui trình đấu thầu xây dựng.....	13
2.12. Về hợp đồng và ký kết hợp đồng trong đấu thầu xây dựng.....	13
Chương 3: THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐẤU THẦU XÂY DỰNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	19
3.1. Thực tiễn thi hành pháp luật đấu thầu xây dựng ở Việt Nam.....	19
3.1.1. Những ưu và khuyết trong việc thi hành pháp luật đấu thầu xây dựng	19
3.1.2. Nguyên nhân của các khiếm khuyết chủ yếu của pháp luật về đấu thầu xây dựng	20
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đấu thầu xây dựng	20
3.2.1. Kiến nghị các định hướng.....	21
3.2.2. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật.....	21
KẾT LUẬN	23

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Xây dựng là một ngành công nghiệp quan trọng trong bất kỳ một xã hội hiện đại nào. Nó tạo ra các sản vật đáp ứng nhu cầu thiết yếu của con người và nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội – đó là nhà ở và các công trình kiến trúc khác hình thành nên một môi trường nhân tạo thuận tiện để con người sinh sống và làm việc. Việt Nam đang bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cho nên ngành xây dựng càng ngày càng trở nên có vai trò to lớn trong việc xây dựng đất nước.

Sản phẩm của hoạt động xây dựng thường có thời gian sử dụng lâu dài, luôn gắn với những nguồn vốn đầu tư lớn mà có thể thuộc sở hữu của tư nhân hoặc của nhà nước. Sản phẩm này đòi hỏi phải bảo đảm tính năng sử dụng, an toàn, tiết kiệm, có hiệu quả và tránh tham nhũng, lãng phí (nếu là công trình sử dụng cho mục đích công). Do vậy để hình thành một dự án đầu tư xây dựng công trình và đưa vào sử dụng, hoạt động đầu tư, xây dựng phải tuân thủ nhiều qui trình, qui phạm ở những công đoạn khác nhau. Lựa chọn nhà thầu để thực hiện công trình xây dựng là một công đoạn quan trọng và có ý nghĩa lớn, ảnh hưởng đến hiệu quả của quá trình đầu tư xây dựng. Công đoạn này còn có ý nghĩa trong việc phòng chống tham nhũng, tránh thất thoát, và chống cạnh tranh không lành mạnh...

Ở Việt Nam, đấu thầu xây dựng được sử dụng phổ biến và được pháp luật qui định khá chặt chẽ, tuy nhiên trong thực tiễn luôn luôn tiềm ẩn và phát sinh nhiều vấn đề. Mặc dù pháp luật luôn luôn được sửa đổi, bổ sung để bắt kịp với những vấn đề thực tiễn phát sinh có khuynh hướng tiêu cực, song khó có thể kiểm soát hết các vấn đề đó. Một đạo luật về đấu thầu không thể bao quát tất cả các vấn đề phát

sinh như vậy. Do đó nhu cầu hoàn thiện luôn luôn được đặt ra đối với pháp luật về đấu thầu nói chung.

Các hành vi vi phạm trong lĩnh vực xây dựng luôn luôn gây ra các thiệt hại nghiêm trọng không chỉ liên quan tới mất mát về tài sản, mà còn liên quan tới tính mạng con người và tinh thần, tình cảm của xã hội.

Với nhận thức như vậy, tôi xin mạnh dạn lựa chọn đề tài **“Pháp luật Việt Nam về đấu thầu xây dựng: Lý luận, thực trạng và hướng hoàn thiện”**.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Pháp luật về đấu thầu xây dựng không phải là vấn đề quá mới mẻ ở Việt Nam. Đã có nhiều bài báo, công trình nghiên cứu viết về vấn đề này nhưng mới chỉ là những nghiên cứu chung. Hiện chưa có bài viết, hay công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu về pháp luật đấu thầu xây dựng tại Việt Nam hiện tại và tương lai. Đồng thời, Luật Đấu thầu tuy đã được ban hành một thời gian nhưng còn rất nhiều nội dung cần xem xét khi đưa đạo luật này vào áp dụng trong thực tiễn. Cho đến nay hướng hoàn thiện pháp luật đấu thầu luôn luôn được đặt ra.

3. Mục đích, phạm vi và đối tượng nghiên cứu của đề tài

Đề tài có mục đích làm rõ nền tảng lý luận pháp luật về đấu thầu xây dựng, trên cơ sở đó phân tích thực trạng các qui định pháp luật hiện hành và thực tiễn thi hành để tìm ra những bất cập, nguyên nhân của những bất cập nhằm tới việc kiến nghị hoàn thiện lĩnh vực pháp luật này cả về phương diện lập pháp, tư pháp và thực hành.

Đề tài chỉ nghiên cứu trong phạm vi pháp luật hiện hành ở Việt Nam mà không nghiên cứu sâu về lịch sử của lĩnh vực pháp luật này và cũng không nghiên cứu pháp luật của các nước khác trừ khi

cần xử lý những thông tin liên quan để đáp ứng mục đích nghiên cứu của đề tài theo sự lựa chọn của tác giả Luận văn.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các vấn đề pháp lý. Đề tài không nghiên cứu các vấn đề liên quan tới vấn đề kinh tế - xã hội, văn hóa, truyền thống, trừ khi tác giả Luận văn chủ động đề cập tới nhằm mục đích nghiên cứu nói trên.

4. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu dựa trên nền tảng tư tưởng Mác – Lê Nin, bao gồm: Phương pháp phân tích qui phạm, phương pháp phân tích vụ việc, phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp, phương pháp trừu tượng hóa.

5. Bố cục của Luận văn

Ngoài lời nói đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của Luận văn được chia thành 03 chương như sau:

Chương 1: Khái quát về pháp luật đấu thầu xây dựng.

Chương 2: Nội dung chủ yếu của pháp luật đấu thầu xây dựng ở Việt Nam hiện nay.

Chương 3: Thực tiễn thi hành và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đấu thầu xây dựng ở Việt Nam hiện nay.

Chương 1
KHÁI QUÁT VỀ
PHÁP LUẬT ĐẦU THẦU XÂY DỰNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm, và sự cần thiết của đấu thầu xây dựng

1.1.1. Khái niệm về đấu thầu xây dựng

Nền kinh tế thị trường thúc đẩy cạnh tranh phát triển. Những người bán hàng hóa, dịch vụ luôn luôn có sự cò sát để tranh dành người mua. Cơ chế đó làm cho người mua có được sự lựa chọn tốt nhất cho mình. Trên cơ sở đó đấu thầu xuất hiện. Cơ chế đấu thầu cho phép người mua lựa chọn một hoặc một số người bán có khả năng cung ứng hàng hóa, dịch vụ mà mình có nhu cầu sao cho đạt được hiệu quả tối ưu cả về số lượng, chất lượng, giá cả, và kỹ thuật, công nghệ...

Luật Đấu thầu năm 2013 vừa được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua đã đưa ra một định nghĩa có tính cách pháp lý như sau: “Đấu thầu là quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp; lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất trên cơ sở bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế”. Định nghĩa này đã nói tới tổng quát các yêu cầu cơ bản của hoạt động đấu thầu hiện nay ở Việt Nam. Đây là một định nghĩa khá chi tiết, khác hẳn với định nghĩa tổng quát của UNCITRAL rằng: “đấu thầu là tiến hành mua sắm hàng hóa, xây dựng và dịch vụ theo một cách nào đó” (Luật mẫu của UNCITRAL, Điều 2).

Tựu chung, các định nghĩa trên dù ở góc độ học thuật hay thông dụng đều hướng tới việc chỉ ra rằng: đấu thầu là một thuật ngữ

để chỉ một quá trình mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ thông qua một quá trình mang tính chuẩn hóa do bên mời thầu áp dụng để lựa chọn nhà thầu phù hợp với các tiêu chí bên mời thầu đưa ra thực hiện việc cung ứng hàng hóa, xây dựng và dịch vụ.

Từ những nghiên cứu ở trên, có thể định nghĩa khái niệm đấu thầu xây dựng như sau: *Đấu thầu xây dựng là hình thức đấu thầu với mục đích lựa chọn được nhà thầu hoặc một nhóm nhà thầu (liên danh) đáp ứng được tốt nhất các yêu cầu do bên mời thầu đặt ra để xây dựng các công trình.*

1.1.2. Các đặc điểm của đấu thầu xây dựng

Mặc dù cũng có bản chất là sự lựa chọn người cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ, nhưng đấu thầu xây dựng có những đặc điểm riêng sau đây khác biệt với các loại đấu thầu khác:

- (1) Đặc điểm thứ nhất:* Đấu thầu xây dựng mang tính phức hợp.
- (2) Đặc điểm thứ hai:* Đấu thầu xây dựng mang tính kỹ thuật.
- (3) Đặc điểm thứ ba:* Đấu thầu xây dựng có giá trị lớn.
- (4) Đặc điểm thứ tư:* Thời gian thực hiện thầu kéo dài.

Chính vì có những đặc điểm riêng biệt như vậy nên đấu thầu xây dựng luôn luôn chiếm sự quan tâm đặc biệt của pháp luật.

1.1.3. Sự cần thiết của đấu thầu xây dựng

Sản phẩm của xây dựng nhìn dưới góc độ kinh tế là loại hàng hóa đặc biệt. Nó có thể là tri thức (ví dụ: trong dịch vụ tư vấn). Nó có thể là các hạng mục công trình, hoặc công trình xây dựng. Các sản phẩm này thường có giá trị lớn, và được tạo ra trong một khoản thời gian dài, và có thời gian sử dụng rất lâu dài. Do đó đấu thầu xây dựng rất cần thiết, có vị trí hết sức quan trọng, liên quan đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là đối với công nghiệp và khoa học kỹ thuật.

Chính nhờ có đấu thầu mà tình trạng vô trách nhiệm, thất thoát lãng phí các nguồn vốn dành cho dự án được khắc phục, chất lượng công trình được nâng cao [1, tr. 115]. Dưới góc độ nhà đầu tư nó là công cụ giúp các chủ đầu tư lựa chọn được các công trình xây dựng chất lượng tốt nhất với giá cả hợp lý nhất làm sao để sử dụng đồng vốn có hiệu quả. Ngoài ra đối với các nhà thầu đây chính là phương thức tìm kiếm cơ hội kinh doanh và phát triển doanh nghiệp.

Thông qua các tiêu chí mà bên mời thầu đưa ra các nhà thầu có thể tự đánh giá khả năng của mình để quyết định có tham gia hay không. Do đó, đấu thầu đã thiết lập nên một môi trường cạnh tranh mà trong đó các nhà thầu có thể chủ động đưa ra được các đề nghị phù hợp nhất với yêu cầu của bên mời thầu.

Nhờ tính cạnh tranh công bằng của đấu thầu, các nhà thầu cùng nhau đưa ra những điều kiện tối ưu của mình về kinh nghiệm, năng lực, tài chính, kỹ thuật... để có thể trúng thầu. Điều này giúp hạn chế tình trạng giao thầu cho bên không đủ năng lực thực hiện dẫn đến dự án kéo dài, phát sinh tranh chấp.

Thông qua các hoạt động đấu thầu bên mời thầu có thể chọn ra nhà thầu đáp ứng tốt nhất các yêu cầu đặt ra mà hạn chế tối đa được yếu tố tham nhũng. Hơn thế nữa, qua tính công khai minh bạch của đấu thầu, chủ đầu tư có thể giám sát nhà thầu dễ dàng hơn hoặc các nhà thầu có thể giám sát lẫn nhau tránh các hiện tượng tiêu cực xảy ra. Đấu thầu, dưới góc độ quản lý nhà nước đó là công cụ quản lý vĩ mô giúp nhà nước bảo toàn ngân sách và minh bạch trong các vấn đề xây dựng.

1.2. Bản chất pháp lý của đấu thầu xây dựng

Đấu thầu xây dựng là một cuộc đua tranh quyết liệt. Nó luôn đòi hỏi các bên tham gia đấu thầu phải thật sự hiểu biết các

quy tắc đấu thầu để kịp thời đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao trong đấu thầu.

Việc lựa chọn đối tác theo một phương thức nào đó luôn thuộc quyền chủ động của các chủ thể có nhu cầu lựa chọn, trừ một số đối tượng bị hạn chế phải thực hiện theo những ràng buộc nhất định.

Cơ sở để các nhà thầu cạnh tranh một cách bình đẳng công bằng chính là quy trình đấu thầu chặt chẽ cùng với cơ chế giám sát chặt chẽ đối với việc thực hiện toàn bộ công trình. Cơ chế giám sát này lại chỉ đạt hiệu quả với sự công khai, minh bạch trong đấu thầu.

Đấu thầu cũng có bên mua và bên bán. Bên mua là các chủ đầu tư: họ mong muốn giống như các nhà tiêu dùng trong các hoạt động thương mại thuần túy khác là khoản đầu tư mình bỏ ra là có lợi nhất, hàng hóa mua được phải là hàng hóa có chất lượng tốt và giá cả phải chăng. Bên bán ở đây chính là các nhà thầu, họ mong muốn bán được càng nhiều hàng hóa càng tốt với giá có lợi nhất cho doanh nghiệp ($T' > T$) và mục tiêu của các nhà thầu tạo ra nhiều giá trị T' khác nữa hay chính là việc thắng thầu trong nhiều gói thầu. Như vậy trong các cuộc đấu thầu, nhà thầu nào đưa ra được hàng hóa, dịch vụ nào phù hợp tốt nhất là được người mua chấp nhận.

1.3. Pháp luật điều chỉnh đấu thầu xây dựng

Đấu thầu xây dựng có đặc điểm riêng biệt, do đó các qui định điều chỉnh lĩnh vực này cũng mang những đặc thù nhất định trong các nguyên tắc điều chỉnh, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1.3.1. Các nguyên tắc đấu thầu

Đấu thầu xây dựng có những nguyên tắc cơ bản sau đây mà pháp luật về đấu thầu xây dựng phải ghi nhận:

- (1) Nguyên tắc coi trọng hiệu quả
- (2) Nguyên tắc dữ liệu đầy đủ
- (3) Nguyên tắc cạnh tranh bình đẳng
- (4) Nguyên tắc đánh giá công bằng
- (5) Nguyên tắc minh bạch
- (6) Nguyên tắc trách nhiệm phân minh
- (7) Nguyên tắc bảo lãnh thích đáng
- (8) Nguyên tắc khuyến khích nhà thầu trong nước
- (9) Nguyên tắc tôn trọng các điều ước quốc tế

1.3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của pháp luật đấu thầu xây dựng

Phạm vi và đối tượng áp dụng của pháp luật đấu thầu xây dựng chính là các tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức cá nhân nước ngoài đầu tư xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam. Những chủ thể này sẽ phải đáp ứng những điều kiện nhất định theo quy định của pháp luật như năng lực hành nghề xây dựng hoặc năng lực hoạt động xây dựng sẽ được nghiên cứu cụ thể tại những phần sau.

1.3.3. Những vấn đề pháp lý cơ bản của đấu thầu xây dựng

Về cơ bản pháp luật đấu thầu xây dựng có những nội dung pháp lý tương tự như trong luật đấu thầu nói chung. Tuy nhiên đây là hoạt động đấu thầu trong lĩnh vực cụ thể nên mang một số điểm khác biệt nhất định. Có thể tóm tắt một số vấn đề pháp lý cơ bản sau: Những quy định về chủ thể; lựa chọn hình thức đấu thầu; trình tự, thủ tục đấu thầu; lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng; quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đấu thầu; và xử lý vi phạm.

Chương 2

NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHÁP LUẬT ĐẦU THẦU XÂY DỰNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Dựa vào những vấn đề pháp lý chủ yếu của đấu thầu, người ta tạo lập nên các qui định của pháp luật đấu thầu xây dựng. Dưới đây lần lượt đề cập tới nội dung chủ yếu của các qui định pháp luật về đấu thầu xây dựng.

2.1. Về lựa chọn nhà thầu

Các đối tượng áp dụng đấu thầu xây dựng bao gồm đối tượng tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động đấu thầu các gói thầu thuộc các dự án như đã nêu ở trên, hay nói cách khác, nhà thầu trong hoạt động xây dựng là tổ chức, cá nhân có đủ năng lực hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề xây dựng khi tham gia quan hệ hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

Như vậy có thể thấy, tất cả các công trình xây dựng (trừ các công trình thuộc bí mật quốc gia) có đủ điều kiện đều phải tổ chức đấu thầu. Riêng đối với công trình trọng điểm quốc gia có quy mô xây dựng lớn, kỹ thuật phức tạp, thời gian xây dựng dài, Nhà nước giao cho bộ quản lý xây dựng chuyên ngành lựa chọn tổ chức tổng thầu. Tổ chức tổng thầu có thể áp dụng hình thức đấu thầu một số hạng mục công trình. Với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng các nguồn vốn khác không thuộc các trường hợp đã nêu ở trên, Nhà nước không bắt buộc phải tổ chức lựa chọn nhà thầu xây dựng theo các quy định về đấu thầu xây dựng mà chỉ khuyến khích áp dụng.

2.2. Về chủ thể có liên quan đến hoạt động đấu thầu xây dựng

Hoạt động đấu thầu xây dựng có khách thể đó là các tài liệu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ xây dựng toàn bộ công trình... Còn chủ thể của

hoạt động này gồm có:

Bên mời thầu: muốn tổ chức đấu thầu phải có bên mời thầu. Bên mời thầu được quyết định trên cơ sở của chủ đầu tư.

Chủ đầu tư xây dựng công trình: là tổ chức sở hữu vốn hoặc tổ chức được giao thay mặt chủ sở hữu vốn, tổ chức vay vốn trực tiếp quản lý quá trình thực hiện dự án (Điều 4- Luật Đấu thầu 2013).

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là cơ quan ký kết hợp đồng với nhà đầu tư (theo Điều 4, Luật Đấu thầu năm 2013).

Tổ chuyên gia: là nhóm các chuyên gia, tư vấn do bên mời thầu lập hoặc thuê, có trách nhiệm giúp bên mời thầu thực hiện các công việc có liên quan trong quá trình đấu thầu.

Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng gồm Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện).

Cơ quan chuyên môn về xây dựng là cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư là cơ quan, tổ chức có chuyên môn phù hợp với tính chất, nội dung của dự án và được người quyết định đầu tư giao nhiệm vụ thẩm định.

Người quyết định đầu tư là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thẩm quyền

phê duyệt dự án và quyết định đầu tư xây dựng (Điều 3, Luật Xây dựng năm 2014).

2.3. Về nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Pháp luật quy định nghĩa vụ trách nhiệm của bên mời thầu trong đấu thầu xây dựng nhằm đảm bảo việc các bên thực hiện đúng các yêu cầu của hoạt động này. Pháp luật qui định trách nhiệm theo các chủ thể như sau:

Trách nhiệm của người có thẩm quyền

Trách nhiệm của chủ đầu tư

Trách nhiệm của bên mời thầu

Trách nhiệm của tổ chuyên gia

Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư

Trách nhiệm của tổ chức thẩm định

Trách nhiệm của bên mời thầu tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

2.4. Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu xây dựng cơ bản

Các qui định của pháp luật về đấu thầu trong lĩnh vực XDCB được ban hành với tư tưởng bao trùm là bảo đảm tính minh bạch, công bằng và cạnh tranh lành mạnh trong các hoạt động đấu thầu.

2.5. Về ưu đãi đối với đấu thầu quốc tế

Ưu đãi được qui định đối với các đối tượng cụ thể, bao gồm:

(1) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

(2) Đối với gói thầu cung cấp dịch vụ xây lắp

2.6. Về ưu đãi đối với đấu thầu trong nước

Trường hợp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu có tổng số lao động là nữ giới hoặc thương binh, người khuyết tật chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên và có hợp đồng lao động tối thiểu 03 tháng; nhà thầu là doanh nghiệp nhỏ thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Luật Đấu thầu được xếp hạng cao hơn hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau.

Đối với gói thầu xây lắp có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng chỉ cho phép nhà thầu là doanh nghiệp cấp nhỏ và siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp tham gia đấu thầu.

Trường hợp sau khi ưu đãi nếu các hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho nhà thầu ở địa phương nơi triển khai gói thầu.

2.7. Về thời gian trong đấu thầu xây dựng

Căn cứ vào từng tính chất của gói thầu, người có thẩm quyền quyết định cụ thể thời gian trong đấu thầu.

2.8. Về bảo đảm đấu thầu

Bảo đảm dự thầu áp dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp và gói thầu hỗn hợp.

b) Đấu thầu rộng rãi và chỉ định thầu đối với lựa chọn nhà đầu tư.

2.9. Ngôn ngữ và đồng tiền sử dụng trong đấu thầu xây dựng

Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu là tiếng Việt đối với đấu

thầu trong nước; là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế.

Đối với đấu thầu trong nước, nhà thầu chỉ được chào thầu bằng đồng Việt Nam.

Đối với đấu thầu quốc tế: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phải quy định về đồng tiền dự thầu trong hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất nhưng không quá ba đồng tiền; đối với một hạng mục công việc cụ thể thì chỉ được chào thầu bằng một đồng tiền.

2.10. Về các hình thức lựa chọn đấu thầu

Có thể nói đấu thầu trong lĩnh vực XD/CB giữ vai trò rất quan trọng trong việc quyết định thành công của công trình. Bởi vậy các nhà làm luật cũng đã rất quan tâm đến việc quy định các hình thức đấu thầu sao cho phù hợp với tình hình thực tế. Theo quy định của pháp luật thì đấu thầu trong XD/CB có những hình thức đấu thầu chủ yếu đó là: đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế và chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu thiết kế công trình xây dựng.

2.11. Quy trình đấu thầu xây dựng

Theo quy định của Luật Đấu thầu 2013 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan của Việt Nam, quy trình đấu thầu xây dựng sẽ được thực hiện theo phương thức **một giai đoạn một túi hồ sơ** và phương thức **một giai đoạn hai túi hồ sơ**.

2.12. Về hợp đồng và ký kết hợp đồng trong đấu thầu xây dựng

2.12.1. Khái niệm hợp đồng xây dựng

HĐXD là sự thoả thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của các bên để thực hiện một, một số hay toàn bộ công việc trong hoạt động xây dựng.

HĐXD là văn bản pháp lý ràng buộc quyền và nghĩa vụ các bên tham gia hợp đồng; các tranh chấp giữa các bên tham gia hợp đồng được giải quyết trên cơ sở hợp đồng đã ký kết có hiệu lực pháp luật; các tranh chấp chưa được thoả thuận trong hợp đồng thì giải quyết trên cơ sở qui định của pháp luật có liên quan.

Trường hợp bên nhận thầu là liên danh nhà thầu thì phải có thoả thuận liên danh. Các thành viên trong liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào hợp đồng xây dựng, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

Hợp đồng xây dựng có hiệu lực khi đáp ứng đủ các điều kiện: người ký kết hợp đồng phải có đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật; bảo đảm các nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng; bên nhận thầu phải có đủ điều kiện năng lực hoạt động, năng lực hành nghề xây dựng theo quy định của pháp luật.

2.12.2. Phân loại hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng được phân loại theo tính chất, nội dung công việc thực hiện và giá hợp đồng áp dụng.

Hợp đồng xây dựng theo tính chất, nội dung công việc thực hiện, hợp đồng xây dựng gồm: Hợp đồng tư vấn xây dựng; Hợp đồng thi công xây dựng công trình; Hợp đồng cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng; Hợp đồng thiết kế - mua sắm vật tư, thiết bị - thi công xây dựng, hợp đồng chia khoá trao tay.

Hợp đồng xây dựng theo hình thức giá hợp đồng áp dụng, hợp đồng xây dựng gồm: Hợp đồng trọn gói; Hợp đồng theo đơn giá cố định; Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh; Hợp đồng theo thời gian; Hợp đồng theo chi phí cộng phí; Hợp đồng theo giá kết hợp; Hợp đồng xây dựng khác.

Như vậy, đối với các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh, loại hợp đồng phải được xác định rõ trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu và chỉ bao gồm 4 loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian. Trong đó, hợp đồng trọn gói được xác định là loại hợp đồng cơ bản, nếu không áp dụng thì phải chứng minh một trong những loại hợp đồng còn lại phù hợp hơn. Đối với những gói thầu quy mô nhỏ, đơn giản thì bắt buộc phải sử dụng loại hợp đồng trọn gói.

2.12.3. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng

Các bên tôn trọng các thỏa thuận hợp đồng và các cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo đảm bình đẳng và hợp tác.

Các bên hợp đồng có trách nhiệm tự thương lượng giải quyết tranh chấp. Trường hợp các bên hợp đồng không tự thương lượng được thì tranh chấp được giải quyết thông qua hòa giải, trọng tài thương mại hoặc tòa án theo quy định của pháp luật.

2.12.4. Nội dung chủ yếu của hợp đồng xây dựng

Nội dung chủ yếu trong một hợp đồng xây dựng, bao gồm: căn cứ pháp lý áp dụng; ngôn ngữ áp dụng; nội dung và khối lượng công việc; chất lượng, yêu cầu kỹ thuật của công việc, nghiệm thu và bàn giao; thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng; giá hợp đồng, tạm ứng, đồng tiền sử dụng trong thanh toán và thanh toán hợp đồng xây dựng; bảo đảm thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng hợp đồng; điều chỉnh hợp đồng xây dựng; quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng xây dựng; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, thưởng và phạt vi phạm hợp đồng; tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng xây dựng; giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng; rủi ro và bất khả kháng; quyết toán và thanh lý hợp đồng xây dựng.

2.12.5. Điều chỉnh hợp đồng trong hoạt động đấu thầu xây dựng

Điều chỉnh hợp đồng xây dựng gồm điều chỉnh về khối lượng, tiến độ, đơn giá hợp đồng và các nội dung khác do các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Điều chỉnh hợp đồng xây dựng chỉ được áp dụng trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Trong các trường hợp sau, việc điều chỉnh hợp đồng xây dựng được thực hiện:

a) Do các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của Luật này và pháp luật khác có liên quan.

b) Khi Nhà nước thay đổi các chính sách làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác.

c) Khi dự án được điều chỉnh có ảnh hưởng đến hợp đồng, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác.

d) Các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

Ngoài các quy định nêu trên, việc điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thuộc dự án sử dụng vốn Nhà nước còn phải tuân thủ các quy định điều chỉnh về đơn giá thực hiện hợp đồng chỉ áp dụng đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh và hợp đồng theo thời gian; đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh theo nội dung, phạm vi, phương pháp và căn cứ điều chỉnh hợp đồng được các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; khi điều chỉnh hợp đồng làm thay đổi mục tiêu đầu tư, thời gian thực hiện hợp đồng, làm vượt dự toán gói thầu xây dựng được duyệt thì phải được người quyết định đầu tư cho phép.

2.12.6. Quy định việc tạm dừng và chấm dứt hợp đồng xây dựng

Các bên hợp đồng có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng trong trường hợp sau:

a) Bên giao thầu có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng khi bên nhận thầu không đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn lao động và tiến độ theo hợp đồng đã ký kết.

b) Bên nhận thầu có quyền tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng khi bên giao thầu vi phạm các thỏa thuận về thanh toán.

Bên giao thầu có quyền chấm dứt thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau:

a) Bên nhận thầu bị phá sản hoặc giải thể.

b) Bên nhận thầu từ chối hoặc liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng dẫn đến vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Bên nhận thầu có quyền chấm dứt hợp đồng trong trường hợp sau:

a) Bên giao thầu bị phá sản hoặc giải thể.

b) Do lỗi của bên giao thầu dẫn tới công việc bị dừng liên tục vượt quá thời hạn đã thỏa thuận của các bên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

c) Bên giao thầu không thanh toán cho bên nhận thầu vượt quá thời hạn đã thỏa thuận của các bên kể từ ngày bên giao thầu nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Trước khi một bên tạm dừng, chấm dứt thực hiện hợp đồng xây dựng theo quy định nêu trên thì phải thông báo cho bên kia bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do tạm dừng, chấm dứt hợp đồng; trường

hợp không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại.

2.12.7. Quy định về thưởng, phạt hợp đồng xây dựng, bồi thường thiệt hại do vi phạm và giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng

Thưởng, phạt hợp đồng xây dựng phải được các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng. Đối với công trình xây dựng sử dụng vốn nhà nước, mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm. Ngoài mức phạt theo thỏa thuận, bên vi phạm hợp đồng còn phải bồi thường thiệt hại cho bên kia, bên thứ ba (nếu có) theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan khác.

2.12.8. Quyết toán, thanh lý hợp đồng xây dựng

Bên nhận thầu có trách nhiệm quyết toán hợp đồng xây dựng với bên giao thầu phù hợp với loại hợp đồng và hình thức giá hợp đồng áp dụng. Nội dung quyết toán hợp đồng xây dựng phải phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng.

2.12.9. Xử lý vi phạm trong đấu thầu xây dựng

Điều đặc biệt quan trọng trong xử lý vi phạm là chế tài xử phạt. Tăng cường giám sát rồi thì phải có chế tài xử phạt thật cụ thể và chặt chẽ, từ quy rõ trách nhiệm người đứng đầu, tổ chức đấu thầu đến hình thức xử phạt. Tất cả cần được chi tiết hóa bằng các văn bản hướng dẫn. Chỉ phạt hành chính thôi là chưa đủ, phải xét từ hậu quả. Vi phạm trong đấu thầu có thể gây hậu quả rất nghiêm trọng từ chất lượng công trình đến thất thoát tài sản nhà nước. Chính vì vậy, cần có nhiều quy định xử phạt hình sự hơn đối với vi phạm pháp luật về đấu thầu.

Luật Đấu thầu năm 2013 quy định rõ, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên

quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. Trường hợp đối với cán bộ công chức có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Ngoài việc bị xử lý như trên, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu từ 6 tháng đến 1 năm; từ 01 năm đến 03 năm; từ 03 năm đến 05 năm và đưa vào danh sách các nhà thầu vi phạm trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Chương 3

THỰC TIỄN THI HÀNH VÀ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT ĐẤU THẦU XÂY DỰNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Thực tiễn thi hành pháp luật đấu thầu xây dựng ở Việt Nam

3.1.1. Những ưu và khuyết trong việc thi hành pháp luật đấu thầu xây dựng

Trong những năm vừa qua công tác đấu thầu đã từng bước đi vào nề nếp. Nhờ có đấu thầu, các chủ đầu tư đã lựa chọn được những nhà thầu đáp ứng được yêu cầu của mình đồng thời về phía nhà thầu, qua đấu thầu cũng tích lũy được những kinh nghiệm trong cạnh tranh, tiếp thu được kiến thức khoa học công nghệ tiên tiến hiện đại trong việc xây dựng dự án lớn, có điều kiện để khẳng định mình, có

ơ hội cạnh tranh trong thị trường trong nước và quốc tế. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về đấu thầu cũng hoạt động ngày càng có hiệu quả do có sự phân cấp rõ ràng theo hướng tăng cường trách nhiệm cho cấp dưới.

Tuy nhiên trong thời gian qua công tác đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản đã bộc lộ một số mặt tiêu cực. Các mặt tiêu cực này thể hiện ở một số giai đoạn của quy trình đấu thầu và ở phía các chủ thể tham gia vào quá trình này và tồn tại dưới những hình thức vô cùng đa dạng.

3.1.2. Nguyên nhân của các khiếm khuyết chủ yếu của pháp luật về đấu thầu xây dựng

Đánh giá thực trạng hệ thống văn bản pháp luật về đấu thầu xây dựng xuất phát từ quan điểm lịch sử là một vấn đề tất yếu và cần thiết. Có như vậy chúng ta mới có nhận thức đúng đắn, khách quan đối với các khiếm khuyết chủ yếu trong lĩnh vực pháp luật này.

Nhìn về mặt tổng thể, chúng ta sẽ thấy các qui định về đấu thầu xây dựng là khá đầy đủ. Nhưng đi sâu vào từng qui định, từng khía cạnh cụ thể thì ta sẽ thấy đó là những qui định khá chung chung, tồn tại phổ biến, và rất khó có thể qui trách nhiệm hay phát hiện ra sai phạm. Những lỗ hổng còn tồn tại đã làm cho hiệu quả của pháp luật về đấu thầu xây dựng không được phát huy.

Các quy định về đấu thầu ít nhiều vẫn còn sự chông chéo hoặc chưa thực sự nhất quán trong việc phản ánh trung thực, đầy đủ và sát hợp đối với từng gói thầu cụ thể.

Sự phân công phân cấp quản lý giữa các ngành, các cấp chưa cụ thể, rành mạch...Đội ngũ cán bộ công chức còn nhiều yếu kém, phong cách làm việc chậm đổi mới, chưa được đào tạo, bồi dưỡng

những kiến thức chuyên môn tối thiểu về chuyên ngành xây dựng và hoạt động đấu thầu xây dựng.

Thêm vào đó là việc chưa xác định rõ vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường, nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa thật đầy đủ, có lúc còn do dự, còn thiếu nhất quán. Nếu so với yêu cầu về thời gian thì sự chuyển biến về nhận thức còn chậm.

Một trong những nguyên nhân chủ quan lớn là cấp dưới chưa có sự chủ động căn cứ vào những vấn đề bức xúc đòi hỏi khách quan trong quản lý nhà nước lĩnh vực mình phụ trách, đề đề xuất ban hành văn bản quy phạm pháp luật kịp thời điều chỉnh mà chỉ dựa vào các quy định trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trên hoặc Chính phủ giao để lập chương trình kế hoạch. Dẫn tới nhiều văn bản ban hành ra trên thực tế thường là ngoài chương trình – kế hoạch dự kiến từ đầu năm là câu chuyện thường tình.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đấu thầu xây dựng

3.2.1. Kiến nghị các định hướng

Từ thực trạng, nguyên nhân của các hạn chế và yếu kém trong hoạt động đấu thầu xây dựng cơ bản đã nêu ở trên ta có thể rút ra một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật như sau:

- Áp dụng cơ chế, giải pháp mạnh trong hoạt động đấu thầu nhằm làm rõ trách nhiệm của cá nhân, tập thể trong từng khâu như chủ đầu tư, chủ dự án, tư vấn, thiết kế, nhà thầu.

- Nâng cao chất lượng, tầm nhìn dài hạn, tính đồng bộ, tính pháp lý. Rà soát lại toàn bộ quy hoạch bao gồm quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội, quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ, gắn với mục tiêu

phát triển kinh tế xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trên cơ sở đó loại bỏ những quy hoạch mang tính khả thi thấp.

- Duy trì thường xuyên, đủ về diện, sâu về nghiệp vụ và nâng cao chất lượng các hoạt động kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, giám sát; tập trung làm rõ sai phạm, quy rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm minh và triệt để những khâu yếu kém và có nhiều dư luận xã hội trong quá trình đấu thầu.

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới cơ chế, chính sách, làm sao sử dụng có hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí.

- Tập trung cải cách hành chính trong hoạt động đấu thầu, chọn khâu làm trước, khâu làm sau, phân công phân cấp rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm, phạm vi lĩnh vực quản lý nhà nước giữa các cán bộ ngành, giữa trung ương và địa phương.

3.2.2. Kiến nghị các giải pháp hoàn thiện pháp luật

(1) Giải pháp xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật

(2) Giải pháp hoàn thiện các quy định cụ thể

(3) Những giải pháp khác

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu, việc kiểm tra cần tiến hành định kỳ với các nội dung kiểm tra về kế hoạch đấu thầu được trình duyệt, trình tự thực hiện kế hoạch đấu thầu... cũng như sự phối hợp giữa các địa phương, bộ, ngành trong lĩnh vực này.

Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về đấu thầu: Để pháp luật đấu thầu đi vào thực tế, có hiệu quả thì trước hết mọi người phải hiểu biết pháp luật. Do đó chính quyền các cấp phải có trách nhiệm phổ biến, giáo dục pháp luật đấu thầu cho người dân để họ hiểu và thực hiện theo luật định. Việc tuyên truyền pháp luật có thể diễn ra dưới nhiều hình thức như thông qua các phương tiện thông

tin đại chúng, các lớp huấn luyện hay các hình thức khác..

KẾT LUẬN

Chất lượng đấu thầu xây dựng và nâng cao nó là một yêu cầu khách quan của quá trình đổi mới chuyển từ bao cấp sang thị trường. Chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố, trong đó nhân tố tự thân công trình xây dựng và đòi hỏi của nó là một nhân tố quan trọng cần phải xem xét khách quan khi đánh giá và đưa ra các giải pháp. Đây là yêu cầu bức thiết không chỉ trong thời gian hiện tại mà còn là yêu cầu của cả quá trình lâu dài, liên tục để làm thay đổi tận gốc rễ cung cách làm ăn cũ theo cơ chế “xin cho” đã bám rễ sâu vào những con người đại diện cho nhà nước, thay mặt nhà nước tìm chọn những tập thể, những doanh nghiệp có đủ năng lực thực hiện các gói thầu bằng vốn của nhà nước, của xã hội. Trong số họ, nhiều người đã không vượt qua cám dỗ, đã hoặc sẽ làm sai, hoặc làm ngơ cho các hoạt động gian dối, sai trái, làm sai lệch kết quả đấu thầu và do đó làm suy giảm chất lượng đấu thầu xây dựng, dẫn tới mất lòng tin của các nhà đầu tư không chỉ trong nước mà còn cả quốc tế, các nhà tài trợ.

Ở Việt Nam, đấu thầu xây dựng là một lĩnh vực mới mẻ nhưng đã được áp dụng phổ biến do sự ưu việt mà nó mang lại. Mặc dù phát triển nhanh chóng, song trong quá trình thực hiện không tránh khỏi những sai lầm, có những vi phạm xuất hiện ngày càng đa dạng, tinh vi mà pháp luật về đấu thầu xây dựng chưa đủ sức ngăn ngừa, khống chế, gây nên những thất thoát lớn về ngân sách cho Nhà nước, làm cho đấu thầu xây dựng trở nên méo mó đi, làm mất tính cạnh tranh giữa các nhà thầu, không đem lại được hiệu quả thực sự như sự chờ đợi của các nhà lập pháp.

Hệ thống pháp luật về đấu thầu xây dựng được hoàn thiện chính là tiền đề để xây dựng và các hoạt động khác của nền kinh tế đạt hiệu quả cao, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất các tiêu cực có thể xảy ra. Với cái nhìn tổng quan về thực trạng hoạt động đấu thầu xây dựng, và qua nghiên cứu tìm hiểu, nhà nước, các nhà lập pháp sẽ đưa ra những chính sách và quy định phù hợp tiến tới hoàn thiện khung pháp luật về đấu thầu xây dựng. Với những thành tựu đã đạt được trong thực tế cùng với những nỗ lực hết mình hoạt động đấu thầu xây dựng sẽ có những bước tiến trong tương lai, trong bối cảnh mở cửa và hội nhập quốc tế.